TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2020
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ánh Hoa
2. Ông Hà Trọng Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Phong- Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2020/ HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 785/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Trường Q (C), sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 402/10, đường H, phường 5, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Tú A, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lữ Thanh H, sinh năm 1974 (có mặt)
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Trần Trường Q trình bày tại đơn khởi kiện và phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Anh và và chị Trương Thị Tú A chung sống với nhau năm 2012, không có tổ chức cưới gả và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi chị Tú A sinh con xong được 02 tháng thì ẳm con bỏ về bên ngoại từ năm 2014 cho đến nay. Anh nhiều lần liên hệ với chị A để thăm con thì chị An đổi số điện thoại, anh không liên lạc được hơn 06 năm nay. Anh xác định hiện anh và chị An đã ly thân hơn 06 năm, tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Tú A.

Về con chung: Anh và chị A có 01 con chung là Trần Quốc Hữu V, sinh ngày 09/7/2014. Từ khi Hữu V được 02 tháng tuổi thì chị A đem con về quê, giao cho dì của A là bà Lữ Thanh H chăm sóc. Anh rất muốn liên hệ thăm nom con nhưng A che giấu địa chỉ, nên không liên hệ được. Hiện anh vẫn chưa được gặp mặt con anh lần nào nhưng anh khẳng định vẫn có thể nhận nuôi con được vì anh là cha ruột của

cháu. Nên nay khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị An cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh khai anh và chị An không có nợ chung.

- *Chị Trương Thị Tú A trình bày*:

Về hôn nhân**:** Năm 2012 đến năm 2014 chị và anh Q có chung sống như vợ chồng nhưng không có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, cũng không có đăng ký kết hôn. Do thời điểm đó chị sống cùng với chị ruột và anh rể tại thành phố Hồ Chí Minh, anh Q là em của anh rể cũng sống chung nhà nên có phát sinh tình cảm. Đến khi chị có thai và sinh con được 02 tháng tuổi thì có xin với anh Q cho về Cà Mau chịu tang của bà chị nhưng phía gia đình anh Q không đồng ý và anh Q đi nhậu về chửi đuổi chị đi. Cho nên chị ẵm con về Cà Mau sinh sống cho đến nay. Hiện chị cũng không còn tình cảm gì với anh Q nên chị cũng đồng ý lý hôn.

-Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung tên Trần Quốc Hữu V, sinh ngày 09/7/2014. Khi ly hôn chị không đồng ý theo yêu cầu của anh Q là giao con cho anh Q nuôi mà chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Do chị là gái chưa có chồng mà có con, gia đình cha mẹ chị không hay biết nên khi chị đem con về quê, chị phải một mình nuôi con và nương tựa dì ruột để sống cho đến nay. Trong thời gian 06 năm qua, anh Q không có liên lạc với chị cũng không có thăm con và chu cấp cho con. Do mẹ anh Q không cho mượn giấy khai sinh của bé V, nên để đảm bảo quyền lợi cho con chị đã nhờ dì ruột là bà Lữ Thanh H, địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện B, tỉnh Cà Mau đứng ra làm thủ tục giấy tờ để làm giấy khai sinh cho bé V, mục đích là để chích ngừa cho con. Bà H làm lại giấy khai sinh cho V tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Cà Mau với tên là Nguyễn Nhật H, cha là Nguyễn Văn T, mẹ Lữ Thanh H. Hiện bé V đang sống chung với dì Lữ Thanh H và chị tới lui chăm sóc hàng tuần và gửi tiền hàng tháng cho dì H nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh Quốc không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị và anh Quốc không có nợ chung.

Bà Lữ Thanh H trình bày: Bà là dì ruột của Trương Thị Tú A. Theo bà được biết năm 2014 trong quá trình chung sống với anh Trần Trường Q thì A có xin về quê chịu tang nhưng gia đình Q không đồng ý. Sau đó, A quyết định về quê thì gia đình của Q bỏ mặt không quan tâm. Tú A có liên hệ với Q mượn giấy tờ để chích ngừa cho cháu V nhưng gia đình Q không đồng ý. Do A là mẹ đơn thân không làm được giấy tờ cho cháu nên vợ chồng bà đứng ra làm giấy khai sinh là cha mẹ của V tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Cà Mau với tên là Nguyễn Nhật H để thuận tiện cho việc chích ngừa và chăm sóc cho cháu. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng bà trực tiếp nuôi cháu V (H) và bảo bọc cả Tú A. Năm 2015 An mới bắt đầu đi làm và gửi tiền cho bà nuôi cháu V (H). Hiện cháu V (H) gọi bà và chồng bà ông Nguyễn Văn T là ông, bà nội. Hiện Tú A hằng ngày vẫn tới lui chăm sóc cháu H.

Bà khẳng định từ khi gia đình bà và A nuôi dưỡng cháu V từ năm 2014 đến nay Trần Trường Q và gia đình không có liên hệ thăm nom và chăm sóc, hiện cháu V không biết mặt cha ruột. Nay bà xác định cháu Trần Quốc Hữu V là con chung của Trần Trường Q và Trương Thị Tú A. Nay bà đồng ý giao cháu V cho Trương Thị Tú A là mẹ ruột cháu trực tiếp nuôi dưỡng cháu, bà sẽ phụ giúp A nuôi dưỡng

cháu đến khi trưởng thành. Hiện bà cũng đồng ý với quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 13/6/2014, cư trú ấp 2, xã L, huyện B, tỉnh Cà Mau.

*Ông Nguyễn Văn T trình bày***:** Ông thống nhất với ý kiến trình bày của vợ ông là bà Lữ Thanh H. Đồng thời, ông có ý kiến xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 14,51,56 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân không công nhận vợ chồng giữa anh Q với chị A; về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc Hữu V, sinh ngày 09/7/2014 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa anh Trần Trường Quốc và chị Trương Thị Tú Ađược xác định là tranh chấp về hôn việc xin ly hôn, chị A có địa chỉ cư trú tại ấp 4, xã X, thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có ý kiến xin vắng mặt tại phiên xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, anh Q và chị A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa anh Q và chị A đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống anh Q và chị A xác định có nhiều mâu thuẫn, anh và chị đã ly thân khoảng 06 năm nay, mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc ai, hiện anh Q yêu cầu ly hôn chị A cũng đồng ý. Do đó, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có cơ sở tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị A không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, anh Trần Trường Q và chị Trương Thị Tú A xác định có 01 con chung tên Trần Quốc Hữu V, (Nguyễn Nhật H) sinh ngày 09/7/2014. Hiện con đang sống cùng chị An và dì ruột chị A là bà Lữ Thanh H. Khi ly hôn anh Q và chị A đều yêu cầu được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Quốc Hữu V, sinh ngày 09/7/2014 hiện cháu chưa được 07 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án cả anh Q và chị A đều xác định từ khi cháu V sinh ra được 02 tháng tuổi cho đến nay anh Q vẫn không biết mặt, và chưa lần nào đến thăm nom, chăm sóc cháu hoặc gửi tiền phụ giúp chị A nuôi con.

Mặc dù, anh Q cho rằng chị A không liên lạc, ngăn cấm không cho anh thăm con. Lời trình bày này của anh Q nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Hiện tại phiên Tòa anh Q cũng xác định mặc dù biết chị A ở thành phố Cà Mau nhưng trong 06 năm anh chưa lần nào về Cà Mau tìm gặp chị A và con, trong khi anh Q có anh ruột là anh rễ chị A, với quan hệ thông gia hai bên gia đình vẫn thường xuyên liên lạc. Điều đó chứng tỏ anh Q không quan tâm, chăm sóc gì đến cháu V trong suốt thời gian dài. Trong khi đó một mình chị A cùng gia đình chị A là bà Lữ Thanh H đã nuôi dưỡng và chăm sóc cháu V từ 02 tháng tuổi đến nay. Hiện tại cháu đang học lớp 01 tại Trường tiểu học tại xã L, huyện B và có cuộc sống ổn định cùng với bà H, ông T là dì ruột chị A, chị A đi làm hằng tuần về thăm con, và gửi tiền nuôi con. Trong khi anh Q đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, nếu sống với anh Q cháu V phải thay đổi nơi sinh sống, môi trường sinh sống, và cả việc chưa biết anh Q là ai, tình cảm quan tâm yêu thương giữa cha và con chưa có. Do đó, để tạo sự ổn định về mặt tâm lý và các điều kiện tốt nhất cho cháu V sinh sống, học tập thì cần tiếp tục giao cháu V cho chị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là thỏa đáng và phù hợp.

Trong quá trình giao con cho cha, mẹ nuôi dưỡng nếu người nào trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn hoặc cản trở việc người kia thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Q không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Đối với giấy khai sinh tên Nguyễn Nhật H số 14/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B cấp ngày 21/01/2015, đề tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 13/6/2014; cư trú: Ấp 2, xã L, huyện B, tỉnh Cà Mau đã bị Ủy ban nhân dân huyện B ra quyết định thu hồi, hủy bỏ số 4107/QĐ_UBND ngày 16/9/2020. Hiện bà H, ông T cũng thống nhất với quyết định thu hồi, hủy bỏ trên, không đặt ra yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Q, chị A xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh Q, chị A khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Q phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Trường Q và chị Trương Thị Tú A là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Quốc Hữu V, sinh ngày 09/7/2014 cho chị Trương Thị Tú A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Anh Trần Trường Q phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 04/5/2020, anh Q đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001725 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Q, chị A, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.